

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHO 13 TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021

(Ban hành theo Quyết định /QĐ-TTYT ngày /01/2021 của Trung tâm Y tế M'Đrăk)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
A	Chỉ số hoạt động chuyên môn y tế	
I	Công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe	
1	Trang thiết bị truyền thông	Đầy đủ
2	Truyền thông tại trạm y tế	04 lần/năm
3	Truyền thông tại cộng đồng	01lần/thôn/tháng
4	Truyền thông trên hệ thống truyền thanh xã	01 lần/tuần hoặc khi có dịch
5	Cán bộ truyền thông của TYT và nhân viên y tế thôn, bản được tập huấn về truyền thông	02 lần/ năm
II	Về lập hồ sơ sức khỏe cá nhân	
1	Tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khỏe cá nhân	ít nhất 80 %
2	Cập nhật các thông tin của người dân khi khám, chữa bệnh tại TYT xã vào hồ sơ sức khỏe	ít nhất 80 %
III	Về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng	
1	Cán bộ làm công tác giám sát bệnh truyền nhiễm có được đào tạo, tập huấn	1 lần/năm
2	Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin sởi, rubella và viêm não Nhật Bản	> 95%
3	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm nhắc sởi - rubella	> 90%
4	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng uốn ván đủ liều trong thai kỳ	> 85 %
IV	Về phòng, chống bệnh không lây nhiễm	
1	Tỷ lệ CBYT thực hiện công tác phòng chống bệnh tim mạch được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về biện pháp dự phòng, phát hiện sớm, điều trị và quản lý các bệnh tim mạch	80%
2	Có sàng lọc phát hiện sớm tăng huyết áp (% số người ≥ 40 tuổi được đo huyết áp ít nhất 1 lần/năm so với tổng dân số ≥ 40 tuổi của xã)	> 30%
3	Tỷ lệ bệnh nhân THA được phát hiện	20 %
4	Tỷ lệ bệnh nhân tăng huyết áp được quản lý điều trị tại trạm y tế	30 %
5	Tỷ lệ người bệnh Đái tháo đường được phát	20 %

	hiện	
6	Có sàng lọc phát hiện người có nguy cơ cao hoặc nghi ngờ mắc đái tháo đường cho người từ 40 tuổi trở lên ít nhất 1 lần/năm	30%
7	Tỷ lệ bệnh nhân đái tháo đường được quản lý điều trị tại trạm y tế theo QĐ 1125	40% được quản lý, điều trị.
8	Có quản lý điều trị các bệnh không lây nhiễm khác như: Tim mạch, hen phế quản, COPD (khám, kê đơn điều trị ngoại trú, cấp phát thuốc BHYT)	có hồ sơ theo dõi lâu dài
9	Tỷ lệ cán bộ y tế thực hiện hoạt động phòng, chống bệnh Đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt được tập huấn, hướng dẫn về dự phòng, phát hiện sớm, quản lý điều trị bệnh Đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt	80 %
V	Về phòng, chống HIV/AIDS	
1	Có phát các vật dụng can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV (Bao cao su, bơm kim tiêm) cho các đối tượng nguy cơ cao (Người nghiện chích ma túy, phụ nữ bán dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới, bạn tình của người nhiễm HIV)	Có kế hoạch giảm thiểu
2	Có xét nghiệm sàng lọc HIV	Có theo dõi
3	TYT có quản lý danh sách người nhiễm HIV không?: (1) Có quản lý danh sách người nhiễm HIV và (2) Có thông tin người nhiễm HIV được điều trị ARV	Có sổ theo dõi
4	Các chỉ tiêu khác	Thực hiện theo chương trình giao
VI	Về khám bệnh, chữa bệnh	
1	Tổng số lượt người đến khám, chữa bệnh/tháng tại trạm (không tính đến tiêm chủng)	> 500 lượt/tháng (đối với 9 xã trên 5000 dân) các xã khác phải đạt 1,2 lượt/người/năm
2	Có thực hiện khám chữa bệnh ban đầu BHYT	Đạt
3	Số kỹ thuật trong gói DVYTCB quy định tại Thông tư 39 trạm đã thực hiện	được > 80 %
4	Danh mục thuốc thuộc gói DVYTCB tại TT 39	> 90 %
5	Có Thuốc huyết áp, tiểu đường trong Danh mục thuốc thuộc gói DVYTCB tại TT 39	Có thuốc
VII	Về Y dược cổ truyền	

1	Tỷ lệ khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền; kết hợp YHCT với Y học hiện đại so với tổng số khám chữa bệnh chung (Quyết định 2166/QĐ-TTg)	> 40 %
2)	Điều trị bệnh bằng phương pháp không dùng thuốc y học cổ truyền theo danh mục dịch vụ kỹ thuật quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BYT (gói dịch vụ y tế cơ bản)	Có triển khai điều trị YHCT
3	Trạm y tế có sử dụng vị thuốc cổ truyền (bao gồm vị thuốc có nguồn gốc trong nước và nước ngoài)	Có sử dụng
4	Có vườn thuốc nam mẫu	Có trên 60 loại cây
XIII	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em	
1	% phụ nữ có thai được quản lý thai tại trạm	> 80 %
2	% phụ nữ có thai được uống viên sắt/folic	> 80 %
3	% bà mẹ đẻ có cán bộ được đào tạo hỗ trợ	> 95 %
4	Tỷ lệ % bà mẹ đẻ được xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B và Giang mai trong thời kỳ mang thai	> 80 %
5	Phụ nữ 35-54 tuổi được khám sàng lọc ung thư cổ tử cung tại trạm	> 80 %
6	Chương trình suy dinh dưỡng	
	Tỷ lệ SDDTE cân nặng/tuổi	21,9 %
	Tỷ lệ SDDTE chiều cao/tuổi	34 %
	Tỷ lệ cân trẻ em dưới 2 tuổi	> 90 %
	Tỷ lệ cân trẻ em dưới 5 tuổi	> 95 %
7	% trẻ sơ sinh được tiêm Vitamin K1	100 %
8	% trẻ từ 6-60 tháng được uống Vitamin A	> 95 %
9	Trạm y tế có thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em trong xã	ít nhất 1 lần/năm
10	Có triển khai thực hiện công tác y tế trường học theo quy định.	Có xây dựng kế hoạch phối hợp và hiện công tác y tế trường học theo quy định.
11	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần trong 3 thời kỳ	60 %
12	Tỷ lệ bà mẹ/TSS được chăm sóc tuần đầu tại nhà	95 %
13	Tỷ lệ bà mẹ/TSS được chăm sóc từ tuần thứ 2 đến hết 6 tuần tại nhà	90 %
14	Bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A	> 87 %

15	Tỷ suất tử vong sơ sinh	> 15 %0
16	Tỷ lệ tẩy giun	> 95 %
IX	Vệ sinh môi trường, sức khỏe lao động, phòng chống tai nạn thương tích	
1	Nhà vệ sinh đáp ứng yêu cầu	>60 % (xã vùng 3) > 75 % (xã vùng 2)
2	Thực hiện xử lý chất thải y tế theo đúng quy định.	Có quy trình
3	Có theo dõi, thống kê tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	Có sổ theo dõi
4	Có theo dõi, thống kê tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.	Có sổ theo dõi
5	Có theo dõi thống kê các trường hợp bị tai nạn thương tích trên địa bàn.	Có sổ theo dõi
X	An toàn thực phẩm	
1	Nhân viên làm công tác ATTP có được đào tạo, tập huấn	01 lần/năm (90 %)
2	Trạm có thực hiện việc thanh tra, kiểm tra ATTP	Có xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện
3	Trạm có theo dõi, thống kê các vụ ngộ độc thực phẩm	Có sổ theo dõi
4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP (thuộc xã quản lý)	78 %
XI	Công nghệ thông tin	
1	Số cán bộ sử dụng thành thạo máy tính (Tỷ lệ so với tổng số cán bộ)	100 %
2	Số lượng máy tính tại trạm	> 2 bộ
3	Triển khai thực hiện các phần mềm	
3.1	Tiêm chủng quốc gia	Có và thành thạo
3.2	Quản lý bệnh không lây nhiễm trạm y tế xã	Có và thành thạo
3.3	Quản lý kết nối thanh quyết toán khám, chữa bệnh BHYT với cơ quan BHXH	Có và thành thạo
3.4	Hồ sơ sức khỏe cá nhân	Có và thành thạo
3.5	Thống kê y tế điện tử	Có và thành thạo
3.6	Quản lý bệnh không lây nhiễm	Có và thành thạo
4	Triển khai hoạt động tư vấn KCB từ xa (Telemedicine)	Có và thành thạo
B	Chỉ số hoạt động chuyên môn dân số	
1	Tư vấn về tầm soát (sàng lọc) và quản lý	Có sổ theo dõi

	tầm soát sơ sinh	
2	Tư vấn về tầm soát (sàng lọc) trước sinh	Có sổ theo dõi
3	Tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	Có sổ theo dõi
4	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (Khám định kỳ, lập hồ sơ theo dõi)	> 90%
5	Kế hoạch hóa gia đình	
	Thực hiện dịch vụ đặt hoặc tháo dụng cụ tử cung	Có sổ theo dõi
	Thực hiện dịch vụ cấy hoặc tháo que cấy tránh thai	Có sổ theo dõi
	Thực hiện dịch vụ tiêm thuốc tránh thai	Có sổ theo dõi
	Bao cao su và viên uống tránh thai	Có sổ theo dõi
	Các chỉ tiêu cụ thể	Chương trình giao
6	Truyền thông giáo dục về dân số và phát triển	Có kế hoạch và triển khai thực hiện đúng quy định của chương trình
7	Quản lý thông tin dân số của hộ gia đình	
	Phiếu thu tin được cập nhật đầy đủ.	Đạt
	Cập nhật thông tin đầy đủ vào sổ A0	Đạt
	Báo cáo thống kê định kỳ (01,02,03)	Đạt
	Báo cáo giao ban định kỳ	Đạt
C	Các chỉ số nhân lực, hạ tầng, TTB, tài chính, BHYT	
I	Nguồn nhân lực	
1	Số lượng cán bộ của trạm (bao gồm cả nữ hộ sinh trung cấp trở lên hoặc y sĩ sản nhi)	Đầy đủ
2	Có bác sỹ trong biên chế của trạm hoặc bác sỹ tăng cường từ TTYT	Đạt
3	Trạm có bác sỹ/y sỹ YHCT	Đạt
4	Trạm có dược sỹ CD /TH	Đạt
5	Trạm có phân công cán bộ làm công tác truyền thông	Đạt
6	Số lượng nhân viên y tế thôn bản, cộng tác	100 %

	viên dân số hiện có	
II	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	
1	Các phòng đã được sửa chữa, cải tạo theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Đạt
2	Công, tường rào, khuôn viên, vườn cây thuốc nam đáp ứng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Đạt
3	Có hệ thống bảng hiệu, biển hiệu, biển chỉ dẫn theo hướng dẫn	Đạt
4	Có phòng khám đủ rộng, ghế chờ đáp ứng yêu cầu	Đạt
5	Có phòng tiêm, khu vực chờ tiêm, theo dõi sau tiêm chủng đáp ứng yêu cầu	Đạt
6	Có phòng khám, chữa bệnh bằng YHCT riêng biệt; có tủ đựng thuốc YHCT đáp ứng theo quy định, các ngăn đựng thuốc ghi đầy đủ tên thuốc theo quy định	Đạt
7	Trạm có nhà vệ sinh khép kín	Đạt
8	Trạm có nước sạch không?	Đạt
9	Trang thiết bị, dụng cụ theo quy định tại QĐ 4389/QĐ-TTg	80 %
III	Tài chính - Bảo hiểm y tế	
1	Ngân sách cấp chi thường xuyên ngoài lương (Triệu đồng /năm)	> 50 triệu
2	Ngân sách cấp cho các hoạt động, dự án thuộc CTMT y tế dân số (qua TTYT huyện)	Đầy đủ
3	Có cung cấp và thu viện phí đối với các dịch vụ KCB ngoài BHYT	Có sổ theo dõi
4	Tỷ lệ % dân số tham gia bảo hiểm y tế	>90 %
5	Có tủ thuốc để bán (ngoài thuốc BHYT)	Có tủ thuốc và giấy tờ đầy đủ
6	Thu nhập tăng thêm, kể cả các khoản chi ngày lễ, tết cho CBYT	Có sổ theo dõi
IV	Các chỉ tiêu khác	
1	Các chỉ tiêu chương trình mục tiêu y tế quốc gia khác	Do các chương trình giao
2	Duy trì bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	13 TYT

3	Thực hiện xã tiên tiến về YHCT	
	Duy trì	06 xã
	Mới (Thị trấn, Cư Króa, Cư San)	03 xã chú ý Các xã chưa đạt có thể đăng ký
4	Xếp loại cuối năm	Giỏi